

**CÔNG KHAI CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI SỞ
Y TẾ NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 262/QĐ-SYT ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Văn phòng Sở Y tế
A	B	1
PHẦN I. TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NSNN GIÁ DỊCH VỤ Y TẾ VÀ PHÍ, LỆ PHÍ		
PHẦN II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		379,3
A	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	81,00
I	Sở Y tế	81,00
	Loại 340 Khoản 341	81,00
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (13)	-
-	Quỹ lương và các khoản đóng góp và chi khác	-
-	Chi thực hiện chính sách tiền lương	-
2	Kinh phí quỹ tiền thưởng (18)	-
3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	81
-	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế năm 2025	81
4	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của chính phủ (đợt 1) (23)	-
B	SỰ NGHIỆP Y TẾ	298,3
I	Sở Y tế	298,3
	Loại 130 Khoản 131	298,3
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	298,3
	Thuê đơn vị tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT các gói thầu cung cấp thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn 2025-2026 trên địa bàn tỉnh	298,3
PHẦN III. KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		702
I	Sở Y tế	702

STT	Nội dung	Văn phòng Sở Y tế
A	B	1
	Loại 130 Khoản 131	702
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	702
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn 1: 2021 -2025	702
1.1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	659
	Tiểu dự án 1 Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	659
1.2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	43
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	43
	TỔNG CỘNG	1.081,3